

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ H
TÊN HỌC PHẦN: SAP
M? H OC PHẦN : MEC - 306

HỌC KỲ	3
TÍN CHỈ	1
LẦN THI	1

Ngày thi: 06/01/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					20				25				55	100		
1	152210186	ĐOÀN VIỆT	VƯƠNG	T16XDD1	7				6.9				8	7.5	Báý pháp Nàm	
2	168211980	TRẦN TẤN	ANH	T16XDD1	7				6.6				4	5.3	Nàm pháp Ba	
3	168211983	HOÀNG THÁI	B?NH	T16XDD1	6				4.6				5.5	5.4	Nàm pháp Bấú	
4	168211984	NGUYỄN TẤT	CẦN	T16XDD1	10				8.3				7	7.9	Báý pháp Chèn	
5	168211985	HUỖNH NGOC	CHÍ	T16XDD1	9				9				9	9.0	Chèn	
6	168211986	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	T16XDD1	10				8.7				9	9.1	Chèn pháp Mấú	
7	168211987	PHẠM NGOC	CÔNG	T16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
8	168211989	NGUYỄN CAO	CUỜNG	T16XDD1	9				7				6.5	7.1	Báý pháp Mấú	
9	168211990	NGUYỄN VĂN	DUNG	T16XDD1	9				8.2				8.5	8.5	Tẳm pháp Nàm	
10	168211993	PHẠM VIỆT	HẢI	T16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
11	168211994	ĐOÀN CÔNG	HẢI	T16XDD1	8				6				6	6.4	Sầú pháp Bấú	
12	168211995	TRẦN VĂN	HẢI	T16XDD1	10				8.7				9	9.1	Chèn pháp Mấú	
13	168211996	NGUYỄN THỊ LỆ	HẮNG	T16XDD1	10				8.7				9	9.1	Chèn pháp Mấú	
14	168211998	PHẠM VĂN	HẠNH	T16XDD1	6				4.4				4	4.5	Bấú pháp Nàm	
15	168212000	NGUYỄN NGOC	HIỂU	T16XDD1	8				6.7				7	7.1	Báý pháp Mấú	
16	168212001	TRẦN XUÂN	HIỂU	T16XDD1	9				9.2				9	9.1	Chèn pháp Mấú	
17	168212002	BÙI THANH	H?A	T16XDD1	9				7.7				9	8.7	Tẳm pháp Báý	
18	168212003	NGUYỄN VĂN	H?A	T16XDD1	0				0				8.5	4.7	Bấú pháp Báý	
19	168212006	NGUYỄN QUỐC	HUY	T16XDD1	9				8				9	8.8	Tẳm pháp Tẳm	
20	168212007	NGUYỄN	KẾ	T16XDD1	9				7.7				9	8.7	Tẳm pháp Báý	
21	168212008	TRẦN THANH	KHÁNG	T16XDD1	9				8.7				8	8.4	Tẳm pháp Bấú	
22	168212010	TRƯỞNG QUỐC	KHÁNH	T16XDD1	8				6.6				6.5	6.8	Sầú pháp Tẳm	
23	168212011	ĐINH VĂN	KHOA	T16XDD1	9				7.3				9	8.6	Tẳm pháp Sầú	
24	168212012	NGUYỄN LƯU Đ?NH	KỶ	T16XDD1	8				7.4				7.5	7.6	Báý pháp Sầú	
25	168212013	HỒ ĐẮC	LINH	T16XDD1	9				7.4				7	7.5	Báý pháp Nàm	
26	168212014	NGUYỄN TẤN	LỰC	T16XDD1	7				8.3				6	6.8	Sầú pháp Tẳm	
27	168212015	BÙI VĂN	MINH	T16XDD1	8				6.9				9	8.3	Tẳm pháp Ba	
28	168212016	LỮ TRỌNG	MINH	T16XDD1	9				7.4				9	8.6	Tẳm pháp Sầú	
29	168212017	PHẠM THANH	MƯỜI	T16XDD1	7				6				9	7.9	Báý pháp Chèn	
30	168212020	DƯƠNG HỒNG	NAM	T16XDD1	10				9				9	9.2	Chèn pháp Hai	
31	168212022	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	T16XDD1	8				7.4				9	8.4	Tẳm pháp Bấú	
32	168212025	ĐẶNG VĂN	NHÂN	T16XDD1	8				4				4	4.8	Bấú pháp Tẳm	
33	168212051	LÊ THANH	TRỌNG	T16XDD1	7				5.3				9	7.7	Báý pháp Báý	
34	168222065	ĐẶNG QUỐC	BẢO	T16XDD1	10				9.2				5	7.1	Báý pháp Mấú	
35	168222077	BÙI NGUYỄN HỒNG	HẢI	T16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
36	168222091	BÙI NGUYỄN HỒNG	LINH	T16XDD1	5				4.2				6.5	5.6	Nàm pháp Sầú	
37	152210247	ĐẶNG SĨ	TRỌNG	T16XDD1	6				5				4	4.7	Bấú pháp Báý	
38	168211999	NGUYỄN VĂN	HIỂN	T16XDD2	10				5.6				9	8.4	Tẳm pháp Bấú	
39	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	9				5.6				4	5.4	Nàm pháp Bấú	
40	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	T16XDD2	9				8.4				5	6.7	Sầú pháp Báý	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ T16XDD										HỌC KỲ		3
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN:		SAP		HỌC KỲ		3		TÍN CHỈ		1		
M? H ỌC PHẦN :				MEC - 306		LẦN THI		1		1						
Ngày thi:				06/01/2012												
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
41	168212023	PHAN Đ?NH	NHÂN	T16XDD2	10				8.6				9	9.1	Chên pháy Mắ	
42	168212026	NGÔ CÔNG	PHI	T16XDD2	10				8.8				4	6.4	Sầu pháy Bắ	
43	168212027	LÊ MINH	PHÚ	T16XDD2	10				7.8				8	8.4	Tầm pháy Bắ	
44	168212032	HUỲNH HOÀNG	QUỐC	T16XDD2	10				6.4				7.5	7.7	Báy pháy Báy	
45	168212033	V? MINH	QUỐC	T16XDD2	10				7.4				7	7.7	Báy pháy Báy	
46	168212034	HÀ TÂN	QUỐC	T16XDD2	8				5.4				7.5	7.1	Báy pháy Mắ	
47	168212036	TRƯỜNG NGUYỄN	SA	T16XDD2	10				8.4				8	8.5	Tầm pháy Nằ	
48	168212037	ĐẶNG VĂN	SỈ	T16XDD2	10				8				4.5	6.5	Sầu pháy Nằ	
49	168212038	NGUYỄN MINH	TÂM	T16XDD2	10				8.4				8	8.5	Tầm pháy Nằ	
50	168212041	ĐÌNH QUANG	THANH	T16XDD2	10				7.8				6	7.3	Báy pháy Ba	
51	168212042	PHẠM TRUNG	THÀNH	T16XDD2	10				9				7.5	8.4	Tầm pháy Bắ	
52	168212043	TRẦN TÀI	THÀNH	T16XDD2	10				7.4				6.5	7.4	Báy pháy Bắ	
53	168212044	ĐẶNG TRUNG	THÀNH	T16XDD2	8				6.4				7	7.1	Báy pháy Mắ	
54	168212045	LÊ PHỈ	THẠNH	T16XDD2	8				3.4				4.5	4.9	Bắ pháy Chên	
55	168212050	NGUYỄN CÔNG	TRÔI	T16XDD2	8				3.4				4	4.7	Bắ pháy Báy	
56	168212052	NGUYỄN THANH	TRUNG	T16XDD2	9				8				5	6.6	Sầu pháy Sầu	
57	168212053	PHẠM MINH	TUẤN	T16XDD2	10				7.2				6.5	7.4	Báy pháy Bắ	
58	168212054	VĂN Đ?NH	TUẤN	T16XDD2	10				8.6				8.5	8.8	Tầm pháy Tầm	
59	168212055	NGUYỄN XUÂN	TY	T16XDD2	10				7.4				7	7.7	Báy pháy Báy	
60	168212057	NGUYỄN ĐỨC	VINH	T16XDD2	10				7.8				7	7.8	Báy pháy Tầm	
61	168212058	PHẠM	VĨNH	T16XDD2	10				7.2				7	7.7	Báy pháy Báy	
62	168212060	TRẦN QUANG	VŨ	T16XDD2	10				7.2				9	8.8	Tầm pháy Tầm	
63	168212061	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	T16XDD2	10				9.4				7	8.2	Tầm pháy Hai	
64	168222100	NGUYỄN THANH	NGỌC	T16XDD2	10				6.6				7.5	7.8	Báy pháy Tầm	
65	168222125	TRẦN GIANG	TUÂN	T16XDD2	10				7.6				6	7.2	Báy pháy Hai	
66	168222129	NGUYỄN Đ?NH	VINH	T16XDD2	9				7.2				7	7.5	Báy pháy Nằ	
67	152210174	PHAN HOÀI	TRỊNH	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng	
1	4560	PHAN Đ?NH	THÀNH	K14XDD3	10				8.8				10	9.7	Chên pháy Báy	
2	0282	ĐẶNG VĂN	TUẤT	T14XDD2	5				4				4	4.2	Bắ pháy Hai	
3	0221	NGÔ HOÀNG	NAM	T13XDD3	7				7.6				6	6.6	Sầu pháy Sầu	
4	0268	LÊ ĐỨC	TRÍ	T14XDD3	6				6.5				6	6.1	Sầu pháy Mắ	
5	7996	NGUYỄN VĂN	GIANG	K13XCD2	7				6.6				7	6.9	Sầu pháy Chên	
6	0273	NGUYỄN HỮU VŨ	TRƯỜNG	T13XDD3	7				7.6				7	7.2	Báy pháy Hai	
7	4563	NGUYỄN SỸ	THÀNH	K13XDD3	6				5.5				6.5	6.2	Sầu pháy Hai	
8	4550	TRƯỜNG Đ?NH	TÂN	K13XDD1	10				9.2				9	9.3	Chên pháy Ba	
9	4411	LÊ XUÂN	LỘC	K13XDD1	10				7.4				8.5	8.5	Tầm pháy Nằ	
10	4596	NGUYỄN THANH	TRƯỜNG	K13XDD1	8				5.2				6.5	6.5	Sầu pháy Nằ	
11	4540	HỒ NGỌC	SẮC	K13XDD1	10				7.2				6.5	7.4	Báy pháy Bắ	
12	4430	TRẦN ANH	ĐỨC	K13XDD2	10				7.6				9	8.9	Tầm pháy Chên	
13	4620	TRẦN VĂN	VINH	K13XDD1	7				4.2				6.5	6.0	Sầu	
14	0274	NGUYỄN DUY	NHÂN	K13XDD1	9				7.2				V	0.0	Khăng	
15	1813	ĐOÀN NGUYỄN THANH	LÂM	K13XDC	9				6				9	8.3	Tầm pháy Ba	
16	0463	NGUYỄN HỒNG	VÂN	K14XDC	9				6				9	8.3	Tầm pháy Ba	

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				20				25				55	100		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	78	94%	
2	Số sinh viên nợ	5	6%	
TỔNG CỘNG :		83	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

Trần Quốc Bảo

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 01 năm 2012

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú